|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Điện Biên, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Kết quả triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện quy định tại Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 20222 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Điện Biên tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

**I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Về đặc điểm tự nhiên**

Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới, phía Tây Bắc của Tổ quốc; có diện tích tự nhiên 953.992 ha; có đường biên giới dài 455,573 km tiếp giáp với hai quốc gia, trong đó: phía Tây và Tây Nam giáp nước CHDCND Lào dài 414,712 km, gồm 144 mốc giới, 01 cửa khẩu Quốc tế (Tây Trang - Pang Hốc), 01 cửa khẩu Quốc gia (Huổi Puốc - Na Son), 01 cửa khẩu phụ (Si Pa Phìn - Huổi Lả), 01 lối mở Lối mở Nậm Đích - Huổi Hịa; phía Tây Bắc tiếp giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc dài 40,861 km, gồm 17 mốc giới, 01 lối mở (A Pa Chải-Long Phú); địa hình rất phức tạp, chủ yếu là đồi núi dốc, hiểm trở và chia cắt mạnh; có khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa Đông tương đối lạnh và ít mưa; mùa Hạ nóng, mưa nhiều với các đặc tính diễn biến thất thường, phân hoá đa dạng, chịu ảnh hưởng của gió tây khô và nóng; thường xuyên xảy ra thiên tai như: Rét đậm, rét hại, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán dẫn đến thiếu nước sinh hoạt, sản xuất.

Tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 08 huyện[[1]](#footnote-1), 01 thị xã, 01 thành phố; 129 xã, phường, thị trấn[[2]](#footnote-2) với 1.445 thôn, bản, tổ dân phố.

**2. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội**

a) Đặc điểm tình hình kinh tế:

Trong những năm qua, mặc dù đã được Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương quan tâm tập trung ưu tiên các nguồn lực để đầu tư, song hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, chưa đồng bộ, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện sinh hoạt (trên địa bàn tỉnh còn khoảng 5.868,2 km đường cấp phối, đường đất chiếm 59,1% và trên 11.000 hộ dân chưa được sử dụng điện lưới quốc gia chiếm khoảng 8,2% số hộ toàn tỉnh))... Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (theo giá so sánh) năm 2023 ước đạt 14.919,29 tỷ đồng (trong đó sản xuất nông lâm nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 15,6%); tổng số người trong độ tuổi lao động khoảng 373.896 người, chiếm 57,86% tổng dân số toàn tỉnh, trong đó số lao động có việc làm khoảng 347.047 người, đạt 99,7% (lực lượng lao động ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm trên 70%); thu nhập bình quân đầu người còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo còn cao (chiếm 25,68%).

b) Đặc điểm tình hình xã hội:

- Về Dân số, dân tộc: Dân số toàn tỉnh năm 2023 là trên 64 vạn người, phân bố không đồng đều, mật độ dân số là 66 người/km²; gồm 19 dân tộc, trong đó: Dân tộc Mông chiếm 38,12%, dân tộc Thái chiếm 35,69%, dân tộc Kinh chiếm 17,38%, dân tộc Khơ mú 3,3%, còn lại là các dân tộc khác chiếm 5,51%.

- Về Văn hóa: Toàn tỉnh hiện có 02 Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, 01 Trung tâm Thể thao cấp tỉnh, 01 Thư viện cấp tỉnh, 01 Đoàn nghệ thuật cấp tỉnh; 10 nhà văn hóa, thể thao, cấp huyện đạt tỷ lệ 100%; 98 nhà văn hóa, thể thao cấp xã, đạt tỷ lệ 76% và 727 nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng thôn, bản, tổ dân phố đạt tỷ lệ 50,3%.

- Về Y tế: Toàn tỉnh hiện có 22 đơn vị gồm: 12 đơn vị tuyến tỉnh[[3]](#footnote-3); 10 đơn vị sự nghiệp tuyến huyện[[4]](#footnote-4) với tổng số 2.407 giường bệnh và đạt tỷ lệ 12,44 bác sỹ/vạn dân; có 122/129 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt tỷ lệ 94,6%.

- Về Giáo dục: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học. Tuy nhiên, tỉ lệ phòng học, phòng nội trú kiên cố còn thấp, một số trường phải học 2 ca, số lượng phòng học chức năng còn thiếu nhiều so với nhu cầu, toàn tỉnh hiện có 7.349 phòng học, 1.500 phòng học chức năng, 3.513 phòng nội trú học sinh, 1.812 phòng công vụ giáo viên, trong đó có 9.101/14.174 phòng kiên cố (chiếm tỷ lệ 64,21%).

**II.** **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành, điều phối , điều phối ; lập kế hoạch, xây dựng báo cáo tổ chức thực hiện**

**a) Việc thành lập kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia**

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-202[[5]](#footnote-5) (tại Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021) và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định số 926/QĐ-BCĐ ngày 20/5/2022). Đồng thời đã chỉ đạo 100% UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp huyện và Ban Quản lý thực hiện các Chương trình MTQG cấp xã để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn5.

- Ban Chỉ đạo các cấp hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia theo lĩnh vực được phân công; giúp UBND các cấp trình HĐND cùng cấp ban hành các Nghị quyết liên quan thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; trình UBND các cấp ban hành hệ thống các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Việc lập kế hoạch, xây dựng báo cáo và tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG

- Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của từng chương trình đã được phê duyệt[[6]](#footnote-6), Năm 2023, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh đã ban hành kế hoạch, chương trình công tác thực hiện Chương trình để giao mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng chương trình[[7]](#footnote-7) và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, nhất là nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan thường trực các Chương trình theo dõi, đôn đốc và triển khai từng nhiệm vụ liên quan đến quản lý, điều hành, thực hiện các Chương trình MTQG; tổ chức thành lập các đoàn công tác giám sát liên ngành để kiểm tra tình hình triển khai thực hiện và đôn đốc tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG tại các địa phương trên toàn tỉnh.

**2. Việc xây dựng, ban hành quy định hướng dẫn thực hiện**

**a) Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương**

- Ngay sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ chủ động nghiên cứu để tổ chức triển khai thực hiện; kịp thời tham mưu trình cấp có thẩm quyền ở địa phương xây dựng và ban hành các văn bản theo quy định, phân công của Trung ương làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo phù hợp theo quy định. Song hệ thống văn bản quy định hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương ban hành còn nhiều, một số văn bản ban hành còn chậm, quy định chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến việc triển khai thực hiện ở địa phương còn gặp khó khăn, lúng túng nhất định.

**b) Ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền**

Tính đến thời điểm hiện nay, tỉnh Điện Biên đã ban hành 100% hệ thống văn bản quản lý điều hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trước này 15/7/2023. Ngày 24/6/2023 Chính Phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, UBND tỉnh đã ban hành 01 Quyết định[[8]](#footnote-8); Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 01 Nghị quyết sửa đổi bổ sung[[9]](#footnote-9).

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, các Quyết định[[10]](#footnote-10) phê duyệt, giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, phân bổ vốn và giao dự toán, thực hiện kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm đối với các Chương trình MTQG, cụ thể:

**1. Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025**

- Đã phân bổ chi tiết là 4.821.397 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch vốn giao), trong đó:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 664.468 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 1.606.004 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 2.550.925 triệu đồng.

**2. Tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ, giải ngân thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến năm 2023 và năm 2023**

**2.1. Kết quả thực hiện từ năm 2021 đến năm 2023**

Tổng số vốn phân bổ thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2023 là 3.665.723 triệu đồng đạt 98,9% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 2.751.290 triệu đồng đạt 75,05% kế hoạch, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là đã phân bổ là 411.351 triệu đồng đạt 96,12% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 309.335 triệu đồng, đạt 75,19% kế hoạch.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã phân bổ là: 1.941.545 triệu đồng, đạt 98,8% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 1.362.772 triệu đồng, đạt 70,2% kế hoạch.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã phân bổ là 1.312.827 triệu đồng đạt 100% kế hoạch, giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 1.079.183 triệu đồng, đạt 82,2% kế hoạch.

***Trong đó:***

(1) Nguồn vốn đầu tư: Đã phân bổ 99% kế hoạch vốn giao.

Tổng số vốn phân bổ thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2023 là 2.391.987 triệu đồng; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 2.113.303 triệu đồng đạt 88,3% kế hoạch, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phân bổ là: 358.923 triệu đồng (bao gồm vốn nước ngoài) đạt 95,58% kế hoạch, giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 272.596 triệu đồng, đạt 75,9% kế hoạch.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phân bổ là: 1.110.385 triệu đồng đạt 100% kế hoạch, giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 600.774 triệu đồng đạt 54,11% kế hoạch.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 922.679 triệu đồng đạt 100% kế hoạch, giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 857.514 triệu đồng, đạt 92,9% kế hoạch.

(2) Nguồn vốn sự nghiệp: Đã phân bổ 98% kế hoạch vốn giao.

Tổng số vốn phân bổ thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2023 là 1.273.736 triệu đồng; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 637.987 triệu đồng đạt 50,1% kế hoạch, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phân bổ là: 54.427 triệu đồng đạt 100% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 36.739 triệu đồng, đạt 70,1% kế hoạch.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phân bổ là 831.161 triệu đồng đạt 97,2% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là149.452 triệu đồng, đạt 17,98% kế hoạch.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã phân bổ 390.148 triệu đồng đạt 100% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 221.669 triệu đồng, đạt 57% kế hoạch.

**2.2. Nguyên nhân chưa phân bổ chi tiết**

(1) Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình là Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phân bổ năm 2022 là 207.047 triệu đồng (đạt 89,8%% kế hoạch vốn giao) do Bộ Tài chính phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động của Tiểu dự án 1 - Dự án 9 quá nhiều so với nhu cầu và khả năng thực hiện của địa phương (do khi lập kế hoạch vốn đầu tư trung hạn của Chương trình thì tỉnh rà soát, đề xuất nhu cầu và các đối tượng thụ hưởng theo hướng dẫn của Ủy ban dân tộc là hỗ trợ các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt đối tượng hỗ trợ đối với Tiểu dự án 1- Dự án 9 là các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định 1227/QĐ-TTg, hiện trên địa bàn tỉnh Điện Biên chỉ có 02 dân tộc có khó khăn đặc thù là Cống, Si La vì vậy đối tượng hỗ trợ bị thu hẹp và nhu cầu vốn giảm nhiều so với nội dung đề xuất ban đầu của tỉnh).

(2)Vốn đầu tư thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 (thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên): Đến tháng 10 năm 2023 mới được trung ương phân bổ, các trạm y tế đã đáp ứng thủ tục đầu tư đã được phân bổ vốn 2023. Trong số các trạm y tế còn lại, một số Trạm Y tế điều chỉnh hình thức đầu tư từ nâng cấp, sửa chữa sang xây dựng mới nên chưa hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định, do đó chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết. Trong Quý I/2024 sẽ phân bổ 100% số vốn chưa phân bổ.

**2.3. Kết quả thực hiện năm 2023:**

Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 2.177.311 triệu đồng[[11]](#footnote-11) (đạt 99,2% kế hoạch vốn giao), cụ thể như sau:

*(1) Vốn đầu tư phát triển:* Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 1.239.991 triệu đồng (đạt 98,6% kế hoạch), trong đó:

- Vốn trong nước: Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 1.176.618 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch), cụ thể:

+ Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 108.080 triệu đồng..

+ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững 435.974 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 632.564 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài: thực hiện phân bổ vốn bổ sung thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023, cụ thể:

+ Đã hoàn thành phân bổ chi tiết là 63.373 triệu đồng (đạt 79,28% kế hoạch).

+ Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 16.561 triệu đồng.

*(2) Vốn sự nghiệp:* Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 937.320 triệu đồng[[12]](#footnote-12) (đạt 100% kế hoạch), trong đó:

- Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới phân bổ là 28.897 triệu đồng.

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững được phân bổ là 284.309 triệu đồng.

- Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 624.114 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I,II kèm theo)*

**3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình giai đoạn 2021 - 2023:**

***3.1 Kết quả huy động sử dụng nguồn lực (không bao gồm vốn tín dụng):***

Các nguồn vốn để thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh bao gồm vốn NSTW đầu tư trực tiếp, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp (không bao vốn tín dụng) với tổng số khoảng 24.425.855 triệu đồng, cụ thể:

a) Vốn đầu tư trực tiếp của 03 chương trình tổng số 3.610.445 triệu đồng:

- Vốn đầu tư là 2.328.614 triệu đồng, trong đó:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 1.110.385 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 295.550 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 922.679 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệptổng số 1.281.831 triệu đồng, trong đó:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 854.699 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 48.217 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 378.915 triệu đồng.

b) Vốn lồng ghép tổng số 4.192.366 triệu đồng, trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương là: 1.190.832 triệu đồng.

- Vốn ngân sách trung ương là: 3.001.534 triệu đồng.

c) Vốn hợp pháp khác: 16.623.044 triệu đồng, bao gồm vốn các doanh nghiệp, các tổ chức và nhân dân đóng góp.

***3.2. Kết quả đầu tư vốn tín dụng thực hiện 3 Chương trình***

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: dư nợ tín dụng trên địa bàn các xã toàn tỉnh đạt  6.462.277 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đang triển khai trên 23 Chương trình chính sách với tổng dư nợ tín dụng đạt 4.372.879 triệu đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hỗ trợ cho vay theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP với tổng dự nợ đạt 61.025 triệu đồng.

**4. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023**

- Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các cơ quan tham gia thực hiện cho từng Chương trình giai đoạn 2021-2025[[13]](#footnote-13). Năm 2023, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh đã ban hành Chương trình công tác số 759/QĐ-BCD ngày 28/4/2023 để phân công giao nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành tỉnh, thành viên ban chỉ đạo tỉnh tăng cường kiểm tra giám sát, theo dõi đôn đốc việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn còn chưa được thường xuyên kịp thời.

- Năm 2023, theo kế hoạch, Kiểm toán nhà nước[[14]](#footnote-14) đã thực hiện kiểm toán 02 Chương trình (bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững) và đã có kết luận kiểm toán tại Thông báo số 242/TB-KTNN; 234/TB-KTNN ngày 07/7/2023 thông báo kết quả kiểm toán Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Giảm nghèo bền vững; trên cơ sở kết luận của Kiểm toán Nhà nước,UBND tỉnh Điện Biên đã tuân thủ, nghiêm túc triển khai thực hiện theo kiến nghị Kiểm toán.

**5. Công tác truyền thông thông tin, tuyên truyền việc triển khai thực hiện**

Công tác truyền thông tuyên truyền được chú trọng phát huy đẩy mạnh bằng nhiều hình thức khác nhau tạo sự lan tỏa mạnh mẽ có tác động tích cực đến nhận thức của cán bộ các cấp và của người dân. UBND tỉnh đã giao cơ quan thường trực các chương trình MTQG chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, các cơ quan truyền thông truyền tải các thông điệp về phát triển bền vững, phát huy vai trò của cộng đồng và cán bộ cơ sở, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những gương người tốt, việc tốt trong việc đóng góp hoàn thành nhiệm vụ Chương trình MTQG để phổ biến, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh với nhiều hình tuyên truyền đa dạng, phong phú thông qua các hội nghị, cuộc họp, trên các phương tiện thông tin đại chúng được Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ phát hành hàng tuần.

**IV. KẾT QUẢ CỤ THỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023**

**1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có huyện nào hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới theo các mức độ, chưa có đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, chưa có xã nông thôn mới kiểu mẫu, có 01 xã nông thôn mới nâng cao (xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay), có 21/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới giữ nguyên so với giai đoạn 2016-2020 đạt 65,62% so với mục tiêu đến năm 2025, 30/115 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 40/115 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 24/115 xã đạt từ 5-9 tiêu chí, bình quân tiêu chí đạt 13,51 tiêu chí/xã, thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt 26 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn giảm còn 36,57%, có 122 thôn bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu tăng 39 thôn, bản so với giai đoạn 2016-2020 đạt 18,76% so với mục tiêu kế hoạch năm 2025.

Hiện nay, Hội đồng thẩm định của tỉnh đang thẩm định, xét công nhận 03 xã đạt chuẩn nâng thôn mới nâng cao năm 2023 (xã Noong Hẹt, Thanh Xương, Pom Lót), nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao lên 04 xã, đạt 44,44% mục tiêu đến 2025; đang thẩm định 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ và xã Quài Tở huyện Tuần Giáo), nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 23 xã, đạt 71,88% mục tiêu đến 2025 (mục tiêu theo Kế hoạch số 1986/KH-UBND của UBND tỉnh).

**2 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**

- Năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 35.922 hộ, giảm xuống còn 25,68% (giảm 4,6% so với năm 2022, vượt kế hoạch 0,89 điểm % và cách mục tiêu đến năm 2025 là 6,78 điểm %); là năm thứ 2 liên tiếp, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm trên 4%/năm (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025); tỷ lệ hộ cận nghèo là 11,29%, tổng số hộ cận nghèo là 15.793 hộ. Trong đó: Tại các huyện nghèo, Tỷ lệ hộ nghèo giảm 6,73% so với năm 2022, đạt trên 122% so với kế hoạch.

- Mục tiêu phấn đấu 02 huyện nghèo thoát nghèo. Tỉnh Điện Biên xây dựng Kế hoạch hỗ trợ huyện Mường Ảng và Tuần Giáo tỉnh Điện Biên thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025. Dự kiến phấn đấu 02 huyện này sẽ thoát khỏi tình trạng nghèo vào cuối năm 2025.

- 100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản (đạt mục tiêu KH đến năm 2025).

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 200 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo (đạt mục tiêu kế hoạch đến năm 2025).

- Có khoảng 23,7% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập (đạt 29,62% mục tiêu KH đến năm 2025).

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo (đạt mục tiêu KH đến năm 2025).

- Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; Đào tạo nghề 9.137 lao động, giải quyết việc làm cho 11.309 lao động; 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số; Có khoảng 2.100 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công (đạt 24,7% mục tiêu KH đến năm 2025);có khoảng 200 người lao động thuộc các huyện nghèo, được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 55 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (đạt 23,91% mục tiêu KH đến năm 2025). Hỗ trợ khoảng 55 người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ (đạt 50,00% mục tiêu KH đến năm 2025).

- Chiều thiếu hụt về Y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế (đạt mục tiêu KH đến năm 2025); Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 93,6% (năm 2021) lên 96,2% (năm 2023). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 15,6% (năm 2021) xuống còn 15,04% (năm 2023); Trong đó: Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi giảm từ 17,2% (năm 2021) xuống còn 16,37% (năm 2023). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 25,8% (năm 2021) xuống còn 25,12% (năm 2023); Trong đó: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi giảm từ 28,4% (năm 2021) xuống còn 27,45% (năm 2023).

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 92,3% (đạt 102,55% mục tiêu KH đến năm 2025); tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học trung học cơ sở đạt 97,2%, tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi học trung học phổ thông và tương đương đạt 72,2%. Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ I là 96,9%. Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Có khoảng 1.048 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở (906 hộ xây mới, 142 hộ sửa chữa) đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai (đạt 23,13% mục tiêu kế hoạch đến năm 2025).

+ Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90,27% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (đạt 100,3% mục tiêu KH đến năm 2025); ít nhất 36,12% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (đạt 60,20% mục tiêu KH đến năm 2025).

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 87,2% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông (đạt mục tiêu KH đến năm 2025); 97,8% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh cơ sở có cụm loa đến thôn, bản hoạt động hiệu quả.

**3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Căn cứ các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương và điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên, tính đến nay, đạt được một số kết quả cụ thể sau:

Đến thời điểm báo cáo, tỉnh Điện Biên đã hoàn thành 10/75 chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình đề ra, cụ thể:

(1) Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 71,12/70%.

(2) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 88,65/85%.

(3) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề đạt 33,2/33,2%.

(4) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 05 tuổi đến trường đạt 99,9/99%.

(5) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99,97/99,84%.

(6) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học THCS đến trường đạt 97,2/96,7%.

(7) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học THPT đến trường đạt 72,2/70,2%.

(8) Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế đạt 67,1/67%.

(9) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) đạt 70,5/60%.

(10) Tỷ lệ trạm y tế xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 100%.

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TREN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tập trung củng cố kiện toàn nâng cao năng lực các phòng, ban và các bộ phận tham mưu giúp việc trong bộ máy của Ban chỉ đạo các cấp, cụ thể:

- Về bộ máy điều chỉnh sắp xếp lại hệ các công chức viên chức có liên quan việc thực hiện từ các phòng, ban và các bộ phận của cấp tỉnh, huyện và xã đảm bảo có chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao.

- Về nâng cao năng lực: sớm triển khai mở các lớp tập huấn để năng cao năng chuyên môn cho các công chức viên chức có liên quan việc thực hiện từ các phòng, ban và các bộ phận của cấp tỉnh, huyện và xã. Các Sở, ban ngành kịp thời hướng dẫn các phòng, ban và các bộ phận của cấp huyện và xã trong tổ chức thực hiện sao cho phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường khuyến khích các phong trào thi đua, cuộc vận động về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Tiếp tục thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo hằng năm đảm bảo tính kịp thời, chính xác, công bằng trong xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; đảm bảo các cơ quan, tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện các chính sách, nội dung của công tác giảm nghèo thực hiện đầy đủ yêu cầu giám sát và đánh giá.

4. Tập trung, chỉ đạo đôn đốc các đơn vị kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc đẩy nhanh tiến độ quyết tâm phấn đấu thực hiện giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2023, đặc biệt là nguồn vốn năm 2022, 2023 kéo dài sang năm 2024; đồng thời tập trung triển khai hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư toàn bộ các dự án khởi công mới còn lại trong trung hạn để khởi công mới năm 2024.

5. Huy động các nguồn lực, đầu tư trọng tâm nhằm tối ưu nguồn vốn đầu tư đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ của từng dự án; phấn đấu thực hiện giải ngân đúng tiến độ, đúng quy định, đảm bảo các chính sách đến người dân và tránh thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

3.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Chương trình; kịp thời chỉ đạo xử lý những bất cập, vướng mắc phát sinh và đề xuất với Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

7. UBND cấp huyện tập trung nâng cao trách nhiệm của Chủ đầu tư; chỉ đạo chặt chẽ việc xác định danh mục, nội dung cần đầu tư, hỗ trợ phù hợp với nhu cầu thực tế để phân bổ kế hoạch vốn chi tiết ngay từ đầu năm đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ bình xét từ cơ sở.

8. Các sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xem xét xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo việc triển khai có hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao theo quy định.

**VI. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/QH15 CỦA QUỐC HỘI**

Thực hiện Nghị Quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu để triển khai thực hiện hiệu quả. Qua rà soát nghiên cứu đến thời điểm hiện tại tỉnh chưa gặp khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, nội dung báo cáo chi tiết UBND tỉnh đã Báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư tại Báo cáo số 852/BC-UBND ngày 29/2/2024.

**VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

**a) Về công tác chỉ đạo điều hành:**

Cụ thể hóa các Nghị quyết của Quốc Hội, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; Tỉnh Điện Biên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá triển khai thành lập, kiện toàn và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo (cấp tỉnh, cấp huyện) và Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025[[15]](#footnote-15); đã ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết quy định, hướng dẫn[[16]](#footnote-16) để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025[[17]](#footnote-17).

UBND tỉnh đã ban hành 04 Quyết định[[18]](#footnote-18) quy định tổ chức triển khai thực hiện 03 Chương trình; 03 Kế hoạch tổ chức thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch Chương trình hàng năm; Chương trình công tác năm 2023, trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công cụ thể trách nhiệm chủ trì, phối hợp của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đánh giá và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Triển khai thực hiện theo Quyết định số 38/2023/NĐ-CP ngày Chính Phủ, UBND tỉnh đã ban hành 01 Quyết định[[19]](#footnote-19); trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 01 Nghị quyết sửa đổi bổ sung[[20]](#footnote-20).

Công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng người dân nông thôn. Nhận thức, trách nhiệm của nhân dân được nâng lên, nhân dân đã xác định được mình là chủ thể chính trong xây dựng nông thôn mới nên đã chủ động tự giác đóng góp nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng.

Thông qua việc tổ chức triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia đã góp phần vào việc thúc đẩy hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi tại tỉnh Điện Biên. Một số mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ dần được hình thành. Công tác chuyển đổi số hướng tới nông thôn mới thông minh được tỉnh quan tâm đầu tư và được các địa phương và người dân hưởng ứng, công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã được quan tâm đầu tư; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn tỉnh tăng lên. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm đầu tư; nhiều thiết chế văn hóa được đầu tư; chăm sóc y tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện cả về lượng và chất. Môi trường nông thôn đã có chuyển biến đáng kể.

**b) Về lập kế hoạch phân bổ nguồn lực thực hiện:**

Chính phủ, các bộ, ngành trung ương đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản để địa phương triển khai lập kế hoạch phân bổ nguồn lực thực hiện.

Đối với kế hoạch trung hạn vốn đầu tư đã được giao tổng thể cả giai đoạn 2021-2025 chi tiết cho các dự án thành phần của từng chương trình đảm bảo phân bổ 100% vốn được giao. Đối với kế hoạch vốn hàng năm, tỉnh đã cơ bản phân bổ hết số vốn được giao theo tiến độ triển khai trong kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025.

**2. Khó khăn, vướng mắc**

- Số lượng văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến việc tổ chức thực hiện nhiều, có nội dung chưa thống nhất phần nào cũng gây khó khăn cho việc nghiên cứu áp dụng thực hiện; việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, giải quyết trả lời của Trung ương và việc Bộ Tài chính phân bổ chi tiết đến từng nội dung, nhiệm vụ, tiểu dự án đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân cấp, phân quyền, triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư xây dưng các công trình, dự án cơ sở hạ tầng liên quan đến nhiều lĩnh vực, cần thực hiện nhiều quy trình, thục tục liên quan đến các Luật: Xây dựng, Đấu thầu, Đất đai, Môi trường, Lâm nghiệp; đặc biệt là có dự án liên quan đến chuyển mục đích SDR tự nhiên theo quy định thuộc thẩm quyền cho phép của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nên thường mất nhiều thời gian để thực hiện.

- Là địa phương được thụ hưởng cả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng chính phủ, đối với từng Chương trình MTQG quy định khá nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần và nội dung chi tiết thực hiện; tương ứng giao nhiều nhiệm vụ cho các Bộ, ngành Trung ương và địa phương phải ban hành văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết triển khai thực hiện từ đó dẫn đến việc thực hiện mất nhiều thời gian và nghiên cứu, áp dụng thực hiện cũng gặp nhiều khó khăn (chờ văn bản hướng dẫn; khi có văn bản hướng dẫn ban hành thì muộn hoặc sau khi ban hành có nội dung không phù hợp dẫn đến khó triển khai thực hiện...). Trong khi đó, hệ thống bộ máy tổ chức quản lý, điều hành từ tỉnh đến cơ sở đều thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm, đặc biệt là cấp cơ sở (xã, thôn, bản) năng lực, trình độ, kinh nghiệm cũng như lực lượng cán bộ thực hiện còn rất hạn chế nên việc triển khai thực hiện các chính sách, nội dung hỗ trợ còn gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện 3 chương trình.

- Công tác triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cấp xã còn khó khăn, vướng mắc; việc lựa chọn các mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa thực sự bền vững; Một số cây trồng được chuyển đổi nhưng kém phát triển do không phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu hoặc do không có sự chăm sóc của người dân; việc cung ứng, sử dụng nguồn giống tại địa phương phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi theo Luật Chăn nuôi, do vậy trên địa bàn tỉnh Điện Biên không có cơ sở đơn vị cung ứng giống gia súc ăn cỏ (trâu, bò, dê) đủ tiêu chuẩn theo quy định.

**3. Tồn tại, hạn chế:**

- Đối với một số phòng, ban chuyên môn cấp huyện được giao thường trực, chủ trì chương trình và các cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện: Cán bộ, công chức thuộc các lĩnh vực, chuyên môn khác nhau, khi được giao chủ trì chương trình, giao vốn thực hiện đều là nhiệm vụ mới, kiêm nhiệm, do đó hạn chế trong việc triển khai dự án được giao, trong tham mưu cho Ban Chỉ đạo Chương trình cấp huyện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã triển khai thực hiện.

- Đối với cấp xã: Phần lớn cán bộ, công chức cấp xã không có chuyên môn về các lĩnh vực liên quan Chương trình, đặc biệt là về xây dựng; tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng qua các lớp quản lý dự án gần như không có. Do đó, rất hạn chế trong việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình, việc quản lý, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán dự án.

- Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình còn chậm; tỷ lệ giải ngân chưa cao, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp còn rất thấp.

**IV. Bài học kinh nghiệm**

**1. Về lãnh đạo, chỉ đạo**

- Cấp ủy, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình; phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội mới có thể thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu các Chương trình đã đề ra và điều kiện, tình hình của địa phường cần tập trung xây dựng kế hoạch, xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành, các địa phương; đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, cũng như kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các cơ quan, ban ngành, chính quyền các địa phương cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong điều hành, tổ chức triển khai thực hiện.

**2. Về phối hợp thực hiện**

Các cơ quan, ban ngành, chính quyền các địa phương cần tăng cường công tác phối hợp trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ trì theo lĩnh vực và nêu cao tinh thần chủ động tích cực, tham gia, phối hợp có hiệu quả của các cơ quan, đơn vị liên quan, đặc biệt là trong vấn đề tháo gỡ, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các đơn vị triển khai thực hiện.

**3. Về tổ chức triển khai các dự án, chính sách**

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, xác định vai trò chủ thể của người dân, đặc biệt là bản thân người nghèo là nhân tố quyết định đến sự bền vững của chương trình giảm nghèo để khơi dậy ý chí tự lực, tự cường trong nhân dân và cộng đồng, tích cực tham gia thực hiện các Chương trình để từng bước vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội.

- Các cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở cần nhận thức đúng đắn, đầy đủ sâu sắc về tầm quan trọng của các Chương trình để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ các Chương trình đề ra.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai trong việc lựa chọn các mục tiêu đầu tư của các chương trình, dự án. Thực hiện đồng thời các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; tạo nguồn lực tập trung, lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn.

- Nguồn lực nhà nước đóng vai trò quan trọng và quyết định đến việc triển khai thực hiện có hiệu quả của các Chương trình, do vậy cần được ưu tiên và bố trí kịp thời.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phần quyền cho các địa phương để chủ động, linh hoạt trong quá trình điều hành tổ chức thực hiện các Chương trình; Trung ương không phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ của các Chương trình.

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Đề nghị Xem xét điều chỉnh giảm nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Đến năm 2025 từ 45 xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn giảm xuống còn 32 xã thoát khỏi đặc biệt khó khăn do Điện Biên là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao (tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số chiếm tới trên 99%), đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Tiếp tục có những chính sách hỗ trợ, ưu đãi về giáo dục, y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng cao, biên giới.

- Quan tâm, tăng cường hỗ trợ vốn đầu tư cho tỉnh để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tạo điều kiện cho Tỉnh được tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, phi chính phủ hỗ trợ đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

**2. Đối với các bộ, ngành, cơ quan liên quan ở Trung ương**

2.1. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: nghiên cứu hướng dẫn để các địa phương có thể triển khai theo Quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 "Đối với mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất"[[21]](#footnote-21).

2.2. Đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, tổng hợp điều chỉnh bổ sung đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án 2, Dự án 3 cụ thể: “*Các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ đang sinh sống ổn định tại xã, thôn (bản) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động*” *(Công văn số 5222/UBND-KT ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh Điện Biên).*

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Điện Biên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên ;  - Các bộ, ngành: VPCP, TC, NN&PTNT, LĐ-TBXH, UBDT (b/c);  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);  - Lãnh đạo UBND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh ĐB;  - Các sở, ngành: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐ-TB&XH, DT.  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Lưu: VT, KGVX, KT, TH, KTN(LVC). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Thành Đô** |

1. Trong đó có 07 huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong đó: 126 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 92 xã đặc biệt khó khăn;29 xã biên giới. [↑](#footnote-ref-2)
3. gồm: 03 đơn vị QLNN tuyến tỉnh (Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGĐ; Chi cục VSATTP); 09 đơn vị hệ sự nghiệp Y tế tỉnh (4 bệnh viện tuyến tỉnh với 830 giường bệnh, 04 TTCK tuyến tỉnh, Trường Cao đẳng Y tế, 01 khu điều trị Phong với 20 giường bệnh do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh quản lý). [↑](#footnote-ref-3)
4. gồm: 10 Trung tâm Y tế đa chức năng quản lý 05 phòng, 15 khoa chuyên môn, 07 PKĐKKV và 129 Trạm y tế. [↑](#footnote-ref-4)
5. Với các thành viên bao gồm: Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh là các Phó Trưởng ban phụ trách các Chương trình mục tiêu quốc gia theo lĩnh vực phụ trách; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội và Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh là các ủy viên thường trực, riêng Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực cả 3 chương trình và các cấp huyện và xã tương tự như cấp tỉnh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Kế hoạch số 2000/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 2674/KH-UBND ngày 22/08/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 1986/KH-UBND ngày 29/06/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên đến năm 2025. [↑](#footnote-ref-6)
7. Kế hoạch số 627/KH-UBND ngày 02/03/2023 Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2023; Kế hoạch số 1120/KH-UBND ngày 31/3/2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định 759/QĐ-BCĐ ngày 28/4/2023 ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên [↑](#footnote-ref-8)
9. Nghị Quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-9)
10. Các QĐ phê duyệt Chương trình MTQG: số 1719/QĐ-TTg ngày 17/10/2021, số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022, số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 và các QĐ giao kế hoạch, dự toán số 652/QĐ-TTg, 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và số 1506/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 [↑](#footnote-ref-10)
11. Tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 ; Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; Quyết định số 1182 ngày 27/7/2023; Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 14/11/2023. [↑](#footnote-ref-11)
12. Tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-12)
13. Kế hoạch số số 2838/KH-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Giám sát đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 2215/KH-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vũng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. [↑](#footnote-ref-13)
14. Tại Thông báo số 1419/TB-KTNN ngày 28/12/2022; Công văn số 09/KTNN-CNV ngày 12/01/2023 và Công văn số 13/KTNN-CNV ngày 13/01/2023 của Kiểm toán nhà nước [↑](#footnote-ref-14)
15. Tại Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 926/QĐ-BCĐ ngày 20/5/2022 [↑](#footnote-ref-15)
16. Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 [Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025](http://hscv.dienbien.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/773CA0999EE5D2C44725891900343C7D?OpenDocument); Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 6 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vũng giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 [Quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên ; Nghị Quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định cơ chế huy động, sử dụng nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.](http://hscv.dienbien.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/F0D5DD566CE5F0CA472589190035D4E4?OpenDocument) [↑](#footnote-ref-16)
17. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 đối với Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 đối với Chương trình giảm nghèo bền vững; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. [↑](#footnote-ref-17)
18. Ban hành Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Ban hành danh mục các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quy định quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quy định nội dung, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. [↑](#footnote-ref-18)
19. Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên [↑](#footnote-ref-19)
20. Nghị Quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-20)
21. Lý do: Hiện nay tổ chức đầu thầu, mua các sản phẩm như giống cây, con giống trên địa bàn tỉnh Điện Biên để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do trên địa bàn đến thời điểm hiện tại chưa có cơ sở nào đáp ứng được con giống trâu, bò đảm bảo theo quy định của Luật Chăn nuôi. Mặt khác mua tại một số cơ cở ngoài tỉnh để đáp ứng được quy định của Luật Chăn nuôi thì giá con giống cao và khó thích nghi môi trường sống. Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 có quy định "Đối với mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hoá dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được UBND cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân" mặc dù có quy định như trên, tuy nhiên các sản phẩm con giống do người dân trực tiếp sản xuất ra lại không đáp ứng theo quy định của Luật Chăn nuôi, do đó việc mua, bán những con giống do người dân trực tiếp sản xuất ra là chưa thực hiện được ảnh hưởng đến việc tiến độ triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn thời gian qua). [↑](#footnote-ref-21)